ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH A2 ĐỢT THI NGÀY 14/3/2021

Phần thi: **Ngày thi: 14.3.2021** **Phòng thi số: 01 (GĐ3B 301)**

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Ký nộp	Ghi chú
1	**NNA2.001**	Nguyễn Thái	**An**	05.07.1999	Tây Ninh		
2	**NNA2.002**	Vũ Hải	**Anh**	15.04.1995	Bắc Giang		
3	**NNA2.003**	Ngô Thị Quỳnh	**Anh**	30.01.1998	Thái Nguyên		
4	**NNA2.004**	Phan Thị Ngọc	**Anh**	28.03.1999	Thái Nguyên		
5	**NNA2.005**	Doãn Trang	**Anh**	21.06.1999	Hải Phòng		
6	**NNA2.006**	Dương Hoàng Tú	**Anh**	02.12.1997	Hà Giang		
7	**NNA2.007**	Khổng Vũ Giang	**Anh**	12.01.1998	Điện Biên		
8	**NNA2.008**	Trần Thị Lan	**Anh**	02.3.1995	Hà Nội		
9	**NNA2.009**	Đồng Thị Ngọc	**Ánh**	25.08.1999	Thái Nguyên		
10	**NNA2.010**	Pờ Hà	**Bắc**	04.07.1999	Lai Châu		
11	**NNA2.011**	Hoàng Đức	**Bắc**	08.02.1998	Bắc Kạn		
12	**NNA2.012**	Nguyễn Duy	**Bắc**	15.04.1974	Hưng Yên		
13	**NNA2.013**	Dương Thị Kim	**Chi**	30.09.1999	Bắc Kạn		
14	**NNA2.014**	Triệu Thị	**Chuổng**	20.08.1998	Bắc Kạn		
15	**NNA2.015**	Mai Trí	**Công**	11.06.1997	Ninh Bình		
16	**NNA2.016**	Chư A	**Cu**	13.10.1998	Sơn La		
17	**NNA2.017**	Nông Thị Kim	**Cúc**	20.09.1999	Lạng Sơn		
18	**NNA2.018**	Địch Xuân	**Cương**	25.10.1999	Bắc Kạn		
19	**NNA2.019**	Lò Mạnh	**Cường**	15.05.1998	Lai Châu		
20	**NNA2.020**	Phùng Quang	**Đàm**	06.03.1998	Bắc Ninh		

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Ký nộp	Ghi chú
21	**NNA2.021**	Nguyễn Tiến	**Đạt**	28.05.1996	Hòa Bình		
22	**NNA2.022**	Vũ Quốc	**Đạt**	12.10.1995	Thanh Hóa		
23	**NNA2.023**	Đặng Thị	**Dết**	15.08.2000	Bắc Kạn		
24	**NNA2.024**	Lưu Thị	**Diễn**	26.06.1998	Bắc Kạn		
25	**NNA2.025**	Hoàng Ngọc	**Diệp**	01.10.1999	Điện Biên		
26	**NNA2.026**	Lý Văn	**Diết**	23.01.1999	Lào Cai		
27	**NNA2.027**	Cao Bá	**Dinh**	23.10.1995	Nghệ An		
28	**NNA2.028**	Nùng Văn	**Đình**	04.02.1998	Hà Giang		
29	**NNA2.029**	Nguyễn Trung	**Đoàn**	07.09.1996	Thái Nguyên		
30	**NNA2.030**	Phượng Lý	**Đức**	29.07.1999	Bắc Kạn		

Số thí sinh có mặt …..… Số thí sinh vắng mặt……...Tổng số bài thi……..Tổng số tờ giấy thi:……

Số sthí sinh vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH A2 ĐỢT THI NGÀY 14/3/2021

Phần thi: **Ngày thi: 14.3.2021** **Phòng thi số: 02 (GĐ3B 302)**

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Ký nộp	Ghi chú
1	**NNA2.031**	Giàng Thị	**Dung**	18.11.1999	Điện Biên		
2	**NNA2.032**	Nguyễn Hương	**Dung**	09.01.1997	Thái Nguyên		
3	**NNA2.033**	Lờ Thị	**Dung**	08.03.1999	Điện Biên		
4	**NNA2.034**	Hoàng Hải	**Dương**	16.04.1998	Thái Nguyên		
5	**NNA2.035**	Nguyễn Thái	**Duy**	11.03.1998	Phú Thọ		
6	**NNA2.036**	Lê Ngọc	**Duyên**	15.07.1997	Thái Nguyên		
7	**NNA2.037**	Nguyễn Thị Thu	**Giang**	19.12.1999	Phú Thọ		
8	**NNA2.038**	Nguyễn Văn	**Giang**	08.09.1996	Bắc Ninh		
9	**NNA2.039**	Nguyễn Ngọc	**Hà**	26.01.1998	Thái Nguyên		
10	**NNA2.040**	Bàn Thị	**Hà**	27.07.1999	Quảng Ninh		
11	**NNA2.041**	Phàn Xuân	**Hải**	02.03.1999	Lai Châu		
12	**NNA2.042**	Đặng Thị Thuý	**Hằng**	15.07.1999	Quảng Ninh		
13	**NNA2.043**	Lầu A	**Hành**	30.06.1998	Cao Bằng		
14	**NNA2.044**	Vũ Thu	**Hạnh**	04.10.1999	Hòa Bình		
15	**NNA2.045**	Lương Lê Hồng	**Hạnh**	22.07.1995	Thái Nguyên		
16	**NNA2.046**	Dương Anh	**Hào**	29.08.1999	TP. Hà Nội		
17	**NNA2.047**	Hà Thị	**Hảo**	21.04.1999	Thái Nguyên		
18	**NNA2.048**	Nguyễn Thị Thu	**Hiền**	24.8.1995	Thái Nguyên		
19	**NNA2.049**	Lê Minh	**Hiếu**	25.05.1999	Tuyên Quang		
20	**NNA2.050**	Hoàng Minh	**Hiếu**	12.11.1999	Thái Nguyên		

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Ký nộp	Ghi chú
21	**NNA2.051**	Nguyễn Thanh	**Hiếu**	29.11.1999	Hòa Bình		
22	**NNA2.052**	Mạch Quỳnh	**Hoa**	25.07.1999	Thanh Hóa		
23	**NNA2.053**	Hoàng Ngọc Huy	**Hoàng**	13.05.1999	Thái Nguyên		
24	**NNA2.054**	Hạng A	**Hồng**	25.06.1999	Lai Châu		
25	**NNA2.055**	Tẩn Mí	**Hồng**	19.08.1999	Lai Châu		
26	**NNA2.056**	Đàm Thị Thúy	**Hợp**	24.03.1995	Lạng Sơn		
27	**NNA2.057**	Hoàng Thị	**Huệ**	27.07.1999	Cao Bằng		
28	**NNA2.058**	Đinh Huy	**Hùng**	02.10.1999	Yên Bái		
29	**NNA2.059**	Nguyễn Thị	**Hương**	05.01.1999	Hà Nam		
30	**NNA2.060**	Phan Thị	**Hưởng**	23.11.1996	Yên Bái		

Số thí sinh có mặt ….… Số thí sinh vắng mặt……...Tổng số bài thi……..Tổng số tờ giấy thi:……

Số sthí sinh vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH A2 ĐỢT THI NGÀY 14/3/2021

Phần thi: **Ngày thi: 14.3.2021** **Phòng thi số: 03 (GĐ3B 303)**

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Ký nộp	Ghi chú
1	**NNA2.061**	Bàng Khánh	**Huy**	21.02.1997	Thái Nguyên		
2	**NNA2.062**	Nguyễn Hữu	**Huy**	28.11.1999	Thái Nguyên		
3	**NNA2.063**	Bàn Phúc	**Huy**	01.04.1994	Bắc Kạn		
4	**NNA2.064**	Nguyễn Thị Thanh	**Huyền**	09.10.1997	Thái Bình		
5	**NNA2.065**	Trần Thị Thu	**Huyền**	01.02.1999	Bắc Giang		
6	**NNA2.066**	Phạm Thu	**Huyền**	11.07.1999	Thái Nguyên		
7	**NNA2.067**	Nguyễn Hoàng	**Huynh**	12.03.1999	Ninh Bình		
8	**NNA2.068**	Mai Văn	**Khải**	08.06.1999	Hà Giang		
9	**NNA2.069**	Ngô Thoại	**Khanh**	05.06.1997	Lạng Sơn		
10	**NNA2.070**	Lê Văn	**Khánh**	29.11.1999	TP. Hà Nội		
11	**NNA2.071**	Nguyễn Xuân	**Khánh**	03.09.1995	Thái Nguyên		
12	**NNA2.072**	Nguyễn Tuấn	**Khánh**	24.08.1999	TP. Hà Nội		
13	**NNA2.073**	Hà Như	**Khánh**	26.04.1994	Thái Nguyên		
14	**NNA2.074**	Lương Đình	**Kiên**	08.12.1997	Thái Nguyên		
15	**NNA2.075**	Phạm Bùi Trung	**Kiên**	10.11.1999	Ninh Bình		
16	**NNA2.076**	Vũ	**Kiệt**	21.04.1999	Hải Phòng		
17	**NNA2.077**	Lầu Thị	**Lan**	09.02.1999	Điện Biên		
18	**NNA2.078**	Hoàng Thị	**Liêm**	27.03.1997	Bắc Kạn		
19	**NNA2.079**	Phan Thị Thùy	**Linh**	16.11.1999	Thái Nguyên		
20	**NNA2.080**	Quách Diệu	**Linh**	24.07.1999	Vĩnh Phúc		

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Ký nộp	Ghi chú
21	**NNA2.081**	Đỗ Nguyễn Nhật	**Linh**	26.09.1999	Thái Nguyên		
22	**NNA2.082**	Đặng Thị Thùy	**Linh**	28.08.1994	Thái Nguyên		
23	**NNA2.083**	Hoàng Diệu	**Linh**	21.12.1999	Lai Châu		
24	**NNA2.084**	Lê Thùy	**Linh**	05.06.1999	TP. Hà Nội		
25	**NNA2.085**	Nguyễn Thị	**Linh**	13.11.1993	Hải Dương		
26	**NNA2.086**	Vũ Ngọc	**Long**	26.12.1995	Nam Định		
27	**NNA2.087**	Chang Thị	**Lú**	17.08.1999	Lai Châu		
28	**NNA2.088**	Trần Văn	**Lương**	18.06.1999	TP. Hà Nội		
29	**NNA2.089**	Đặng Văn	**Lường**	26.06.1999	Cao Bằng		
30	**NNA2.090**	Phạm Thị Khánh	**Ly**	08.07.1999	Hà Giang		

Số thí sinh có mặt …..… Số thí sinh vắng mặt……...Tổng số bài thi……..Tổng số tờ giấy thi:……

Số sthí sinh vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH A2 ĐỢT THI NGÀY 14/3/2021

Phần thi: **Ngày thi: 14.3.2021** **Phòng thi số: 04 (GĐ3B 304)**

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Ký nộp	Ghi chú
1	**NNA2.091**	Dương Khánh	**Ly**	12.02.1999	Thái Nguyên		
2	**NNA2.092**	Lý Thị	**Má**	30.09.1999	Bắc Kạn		
3	**NNA2.093**	Nguyễn Hồng	**Mai**	30.10.1999	Thái Nguyên		
4	**NNA2.094**	Đỗ Thị Ngọc	**Mai**	12.02.1999	Thái Nguyên		
5	**NNA2.095**	Nông Thị Hương	**Mai**	28.05.1999	Thái Nguyên		
6	**NNA2.096**	Hà Ngọc	**Mạnh**	11.07.1997	Bắc Kạn		
7	**NNA2.097**	Má Thị	**Máy**	07.07.1999	Lào Cai		
8	**NNA2.098**	Phùng Văn	**Nam**	14.01.1999	Thái Nguyên		
9	**NNA2.099**	Khà văn	**Nam**	24.03.1998	Lai Châu		
10	**NNA2.100**	Nguyễn Bảo	**Ngọc**	21.04.1998	Thái Nguyên		
11	**NNA2.101**	Hà Đình	**Ngọc**	14.02.1998	Yên Bái		
12	**NNA2.102**	Ngô Thế	**Ngữ**	31.08.1998	Tuyên Quang		
13	**NNA2.103**	Đỗ Hải	**Nguyên**	10.08.1996	Thái Nguyên		
14	**NNA2.104**	Nguyễn Thị Bích	**Nguyệt**	07.05.1999	Phú Thọ		
15	**NNA2.105**	Lê Thị	**Nguyệt**	25.09.1989	Hưng Yên		
16	**NNA2.106**	Đỗ Văn	**Nhật**	26.10.1999	TP. Hà Nội		
17	**NNA2.107**	Vừ A	**Nhìa**	12.08.1999	Sơn La		
18	**NNA2.108**	Ngô Thị Hồng	**Nhung**	03.02.1997	Thái Nguyên		
19	**NNA2.109**	Dương Thị	**Nhung**	25.01.1999	Thái Nguyên		
20	**NNA2.110**	Đinh Thị	**Nhung**	14.09.1999	Thái Nguyên		

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Ký nộp	Ghi chú
21	**NNA2.111**	Trần Thị Thúy	**Nhường**	05.03.1998	Thái Bình		
22	**NNA2.112**	Đỗ Thị	**Oanh**	19.04.1999	Thái Nguyên		
23	**NNA2.113**	Hoàng Ngọc	**Oánh**	04.01.1998	Hà Giang		
24	**NNA2.114**	Sính Thị	**Pà**	07.08.1999	Hà Giang		
25	**NNA2.115**	Hạng A	**Phừ**	16.7.1998	Lai Châu		
26	**NNA2.116**	Trần Minh	**Phương**	03.11.1999	Hà Nam		
27	**NNA2.117**	Hoàng Văn	**Phương**	18.02.1999	TP. Hà Nội		
28	**NNA2.118**	Hoàng Thị Qúy	**Phương**	28.07.1987	Hưng Yên		
29	**NNA2.119**	Đào Đình	**Quang**	03.03.1999	Bắc Kạn		
30	**NNA2.120**	Lý Văn	**Quý**	08.02.1999	Lai Châu		

Số thí sinh có mặt ….… Số thí sinh vắng mặt……...Tổng số bài thi……..Tổng số tờ giấy thi:……

Số sthí sinh vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH A2 ĐỢT THI NGÀY 14/3/2021

Phần thi: **Ngày thi: 14.3.2021** **Phòng thi số: 05 (GĐ3B 403)**

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Ký nộp	Ghi chú
1	**NNA2.121**	Hầu Thị	**So**	03.12.1999	Lào Cai		
2	**NNA2.122**	Điêu Văn	**Sơn**	18.01.1998	Lai Châu		
3	**NNA2.123**	Lương Đình	**Sơn**	07.10.1995	Hà Giang		
4	**NNA2.124**	Nguyễn Thị Thanh	**Tâm**	06.07.1999	Hà Giang		
5	**NNA2.125**	Dương Công	**Thách**	23.02.1995	Lạng Sơn		
6	**NNA2.126**	Hoàng Thị	**Thắm**	15.08.1999	Lạng Sơn		
7	**NNA2.127**	Giàng A	**Thắng**	20.04.1996	Lai Châu		
8	**NNA2.128**	Nông Văn	**Thắng**	28.08.1994	Bắc Kạn		
9	**NNA2.129**	Trần Văn	**Thắng**	23.10.1985	Hưng Yên		
10	**NNA2.130**	Tô Thị	**Thanh**	08.05.1999	Cao Bằng		
11	**NNA2.131**	Hoàng Văn	**Thành**	04.09.1999	Cao Bằng		
12	**NNA2.132**	Lò Văn	**Thao**	25.04.1998	Sơn La		
13	**NNA2.133**	Nguyễn Thu	**Thảo**	17.09.1999	Bắc Kạn		
14	**NNA2.134**	Quan Văn	**Thế**	30.04.1998	Tuyên Quang		
15	**NNA2.135**	Chẩu Thị Mỹ	**Thêu**	28.08.1999	Tuyên Quang		
16	**NNA2.136**	Tẩn Cao	**Thiên**	26.12.1999	Lai Châu		
17	**NNA2.137**	Nguyễn Thị Hương	**Thơm**	12.11.1999	Quảng Ninh		
18	**NNA2.138**	Nguyễn Xuân	**Thu**	15.01.1999	Lạng Sơn		
19	**NNA2.139**	Vi Thanh	**Thư**	10.11.1999	Bắc Giang		
20	**NNA2.140**	Đào Minh	**Thư**	26.06.1999	Thái Nguyên		

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Ký nộp	Ghi chú
21	**NNA2.141**	Lò Thị Minh	**Thư**	30.03.1999	Sơn La		
22	**NNA2.142**	Hoàng Thị Diệu	**Thư**	31.01.1999	Bắc Kạn		
23	**NNA2.143**	Đỗ Thị	**Thực**	28.07.1985	Hưng Yên		
24	**NNA2.144**	Nguyễn Thị	**Thương**	26.03.1999	Phú Thọ		
25	**NNA2.145**	Nguyễn Thị	**Thuý**	02.07.1999	Bắc Giang		
26	**NNA2.146**	Hoàng Phương	**Thuý**	18.08.1999	Bắc Giang		
27	**NNA2.147**	Hà Thị	**Thuỳ**	02.06.1999	Thái Nguyên		
28	**NNA2.148**	Hoàng Thị	**Thúy**	24.06.1999	Yên Bái		
29	**NNA2.149**	Hà Thủy	**Tiên**	30.09.1999	Lạng Sơn		
30	**NNA2.150**	Hồ Thị	**Tỉnh**	03.04.1999	Điện Biên		

Số thí sinh có mặt …..… Số thí sinh vắng mặt……...Tổng số bài thi……..Tổng số tờ giấy thi:……

Số sthí sinh vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH A2 ĐỢT THI NGÀY 14/3/2021

Phần thi: **Ngày thi: 14.3.2021** **Phòng thi số: 06 (GĐ3B 402)**

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Ký nộp	Ghi chú
1	**NNA2.151**	Nguyễn Đức	**Toàn**	04.08.1997	TP. Hà Nội		
2	**NNA2.152**	Trương Thị Thu	**Tra**	13.09.1999	Tuyên Quang		
3	**NNA2.153**	Trần Thị Thu	**Trang**	06.12.1999	Thái Nguyên		
4	**NNA2.154**	Luân Thùy	**Trang**	24.06.1999	Kon Tum		
5	**NNA2.155**	Nguyễn Thị	**Trang**	14.05.1998	Hải Phòng		
6	**NNA2.156**	Nguyễn Thị Thuỳ	**Trang**	22.01.1999	Hòa Bình		
7	**NNA2.157**	Nguyễn Đức	**Trọng**	14.06.1999	Quảng Ninh		
8	**NNA2.158**	Ma Toàn	**Trung**	17.09.1997	Hà Giang		
9	**NNA2.159**	Vàng Bả	**Tú**	06.10.1996	Lai Châu		
10	**NNA2.160**	Giàng A	**Tú**	02.02.1999	Lai Châu		
11	**NNA2.161**	Hoàng Văn	**Tư**	09.07.1999	Bắc Ninh		
12	**NNA2.162**	Chu Đình	**Tứ**	19.10.1995	Bắc Kạn		
13	**NNA2.163**	Cứ A	**Tủa**	12.01.1998	Lai Châu		
14	**NNA2.164**	Hoàng Minh	**Tuấn**	11.04.1998	Bắc Kạn		
15	**NNA2.165**	Hoàng Anh	**Tuấn**	20.08.1998	Cao Bằng		
16	**NNA2.166**	Triệu Minh	**Tuấn**	10.05.1999	Lai Châu		
17	**NNA2.167**	Vi Hoàng	**Tùng**	11.10.1999	Bắc Giang		
18	**NNA2.168**	Bàn Văn	**Tùng**	30.07.1999	Bắc Giang		
19	**NNA2.169**	Cao Như	**Tuyên**	10.09.1998	Thái Nguyên		
20	**NNA2.170**	Chu Minh	**Tuyên**	28.01.1999	Hà Giang		

TT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi sinh	Ký nộp	Ghi chú
21	**NNA2.171**	Lô Thị Kim	**Tuyến**	22.05.1999	Bắc Kạn		
22	**NNA2.172**	Lý Thị	**Tuyết**	22.10.1999	Lai Châu		
23	**NNA2.173**	Lù Đức	**Uyên**	01.02.1999	Lai Châu		
24	**NNA2.174**	Lương Thị Thanh	**Vân**	13.02.1995	Thái Nguyên		
25	**NNA2.175**	Phượng Thị	**Vân**	30.07.1999	Bắc Kạn		
26	**NNA2.176**	Dương Bích	**Vân**	11.06.1998	Lạng Sơn		
27	**NNA2.177**	Giàng A	**Vảng**	15.02.1999	Lào Cai		
28	**NNA2.178**	Dương Văn	**Viên**	01.05.1998	Bắc Kạn		
29	**NNA2.179**	Nguyễn Thị	**Vinh**	05.10.1997	Nam Định		
30	**NNA2.180**	Vũ Mạnh	**Vương**	29.08.1997	Bắc Ninh		
31	**NNA2.181**	Giàng Hùng	**Vương**	18.08.1996	Lai Châu		
32	**NNA2.182**	Lỳ Khừ	**Xó**	15.06.1999	Lai Châu		
33	**NNA2.183**	Trần Thị	**Xuân**	07.02.1999	Quảng Ninh		
34	**NNA2.184**	Dương Công	**Yên**	22.03.1999	Cán bộ coi thi 2		
35	**NNA2.185**	Đặng Thị Hải	**Yến**	27.07.1986	Hưng Yên		
36	**NNA2.186**	Trần Thị	**Huyền**	05.07.1999	Thái Nguyên		
37	**NNA2.187**	Váng Seo	**Bình**	17.01.1995	Hà Giang		

Số thí sinh có mặt …..… Số thí sinh vắng mặt……...Tổng số bài thi……..Tổng số tờ giấy thi:……

Số sthí sinh vi phạm quy chế thi……..

Cán bộ coi thi 1 **Cán bộ coi thi 2**